

ĐIỂM NÀY CÓ G? SAI SÓT TH? LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI R? C Ụ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PH?NG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ T16XDC
TÊN HỌC PHẦN: ANH NGỮ CAO CẤP 2
M? H ỌC PHẦN : ENG - 302

H ỌC KỲ 4
T ỈN CH Ỉ 2
L ẦN THI 1

Ngày thi: 08/07/2012

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	ĐỌC VIẾT	N ỘI	F	SỐ	CHỮ		
					10	10	15	10					55	100			
1	152220345	TRƯỞNG CÔNG	ĐUỜNG	T16XDC	0	0	0	0			HP	HP	HP	0.0	Khăng		
2	152220373	ĐÀO THIÊN	KHÁNH	T16XDC	8	8	8	8			5	7	6	6.9	Sầu pháp Chên		
3	168212005	LÊ Y	H ỌC	T16XDC	7	8	5	7			5.3	6.5	5.9	6.2	Sầu pháp Hai		
4	168212048	ĐẶNG XUÂN	THU	T16XDC	9	8	5	7			3.8	4.5	4.2	5.5	Nằm pháp Nằm		
5	168222063	NGUYỄN ĐÔNG	ANH	T16XDC	7	7	6	7			HP	HP	HP	0.0	Khăng		
6	168222064	TRẦN VĂN	ANH	T16XDC	6	7	6	7			2.7	4.5	3.6	0.0	Khăng		
7	168222066	HỒ TRẦN ANH	B ẢO	T16XDC	6	7	5	7			2.5	4.5	3.5	0.0	Khăng		
8	168222067	NGUYỄN PHÚ	CH ẦU	T16XDC	6	8	5	7			4.2	4.5	4.4	5.3	Nằm pháp Ba		
9	168222068	B ỒI Đ ỨC	CHU	T16XDC	10	8	5	8			4.5	5	4.8	6.0	Sầu		
10	168222070	PHAN Đ?NH	C ỜNG	T16XDC	6	7	7	7			2.5	4.5	3.5	0.0	Khăng		
11	168222072	LÊ PH ƯỚC	Đ ẠT	T16XDC	6	7	5	7			3.3	4.5	3.9	0.0	Khăng		
12	168222073	TRẦN Đ?NH	Đ ỨC	T16XDC	6	7	6	8			4.2	7	5.6	6.1	Sầu pháp Mắu		
13	168222074	TRẦN CÔNG	Đ ỨC	T16XDC	6	7	5	7			4.8	7	5.9	6.0	Sầu		
14	168222075	TRẦN XUÂN	Đ ỨC	T16XDC	10	8	5	8			2.8	7	4.9	6.0	Sầu		
15	168222076	TRẦN NHẬT	GIANG	T16XDC	6	8	5	7			2.7	5	3.9	0.0	Khăng		
16	168222079	B ỒI H ỮU NH ẮT	H ẠNH	T16XDC	8	7	5	7			4	7	5.5	6.0	Sầu		
17	168222080	MAI VĂN	H ỆU	T16XDC	10	7	6	8			2.5	5	3.8	0.0	Khăng		
18	168222081	NGUYỄN VĂN	H?A	T16XDC	9	8	6	8			3.2	5	4.1	5.7	Nằm pháp Bắy		
19	168222082	NGUYỄN C ẦNH	HOÀN	T16XDC	6	7	6	7			8.8	4.5	6.7	6.6	Sầu pháp Sầu		
20	168222084	LÊ MINH	H ỪNG	T16XDC	6	7	6	7			4	6.5	5.3	5.8	Nằm pháp Tầm		
21	168222085	NGUYỄN THANH	KHA	T16XDC	8	7	6	7			3.3	6.5	4.9	5.8	Nằm pháp Tầm		
22	168222087	TRẦN Đ ẶNG	KHOA	T16XDC	9	8	8	8			5.7	5	5.4	6.7	Sầu pháp Bắy		
23	168222088	NGUYỄN TRUNG	K ỀN	T16XDC	6	8	7	7			1.8	4.5	3.2	0.0	Khăng		
24	168222089	MAI HUỠNH T ẦN	L ẦM	T16XDC	6	8	5	7			3.5	7	5.3	5.8	Nằm pháp Tầm		
25	168222090	NGUYỄN QUANG	L ỀN	T16XDC	8	7	5	8			2.2	7	4.6	5.6	Nằm pháp Sầu		
26	168222092	TH ẮI B Ắ	L ẦNH	T16XDC	9	7	7	7			3.2	6	4.6	5.9	Nằm pháp Chên		
27	168222096	TH ẮI VĂN	L Ự ỜNG	T16XDC	8	7	6	8			2.3	5	3.7	0.0	Khăng		
28	168222097	V ỒU VĂN	M ẮN	T16XDC	10	8	6	8			3	4.5	3.8	0.0	Khăng		
29	168222098	NGUYỄN V ỜNH	NAM	T16XDC	8	8	6	7			3.2	4.5	3.9	0.0	Khăng		
30	168222099	Đ ỜNG XUÂN	NGHIÊM	T16XDC	7	7	7	7			8.5	4.5	6.5	6.7	Sầu pháp Bắy		
31	168222102	LÊ Đ ỨC	PH Ứ	T16XDC	10	7	7	7			8.3	4	6.2	6.9	Sầu pháp Chên		
32	168222105	NGUYỄN Đ ẶNG	S ẦNH	T16XDC	0	0	0	0			HP	HP	HP	0.0	Khăng		
33	168222107	TRẦN Đ?NH	S ỜN	T16XDC	7	7	6	8			1.5	4.5	3	0.0	Khăng		
34	168222108	LÊ	S Ự	T16XDC	9	8	5	8			3	6.5	4.8	5.9	Nằm pháp Chên		
35	168222109	TRẦN QUỐC	S Ỗ	T16XDC	7	7	6	8			1.5	4	2.8	0.0	Khăng		
36	168222110	Đ ỜNH XUÂN	T ẦM	T16XDC	6	7	5	7			2	4	3	0.0	Khăng		
37	168222111	PH ẦM H ỮU	TH ẦNH	T16XDC	6	7	5	8			4.2	4	4.1	5.1	Nằm pháp Mắu		
38	168222116	NGUYỄN HOÀNG	TH ẦY ỜN	T16XDC	6	7	6	7			3.3	4	3.7	0.0	Khăng		
39	168222117	NGUYỄN VĂN	T ỀN	T16XDC	6	8	6	7			2.5	4.5	3.5	0.0	Khăng		
40	168222119	NGUYỄN QUANG	TRUNG	T16XDC	7	7	7	7			2.8	4	3.4	0.0	Khăng		

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	ĐỌC VIẾT	NÓI	F	SỐ	CHỮ		
					10	10	15	10					55	100			
41	168222121	NGUYỄN TÂN	TRƯỜNG	T16XDC	7	7	5	7			3.3	7	5.2	5.7	Nằm pháy Baý		
42	168222122	TRẦN Đ?NH	TRƯỜNG	T16XDC	7	7	5	8			3.7	7	5.4	5.9	Nằm pháy Chén		
43	168222123	ĐOÀN Đ?NH	TỨ	T16XDC	7	7	5	7			4.3	4.5	4.4	5.3	Nằm pháy Ba		
44	168222124	MAI PHƯỚC	TỰ	T16XDC	6	7	5	7			2.3	7	4.7	5.3	Nằm pháy Ba		
45	168222126	NGUYỄN VĂN	TUÂN	T16XDC	6	8	5	8			2.7	6	4.4	5.4	Nằm pháy Bắú		
46	168222127	TRẦN TRỌNG	TUỜNG	T16XDC	6	7	5	7			2.3	6	4.2	5.1	Nằm pháy Mắú		
47	168222128	HỒ PHƯỚC	VIỆT	T16XDC	6	7	9	7			2.7	5	3.9	0.0	Khăng		
48	168222131	LÊ CÔNG	VŨ	T16XDC	8	7	5	8			2.8	4.5	3.7	0.0	Khăng		
49	168222132	NGUYỄN QUỐC	VUÔNG	T16XDC	6	8	5	7			3.5	5.5	4.5	5.3	Nằm pháy Ba		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	28	57%	
2	Số sinh viên nợ	21	43%	
TỔNG CỘNG :		49	100%	

LẬP BẢNG

NGUYỄN KIM ĐỨC

KIỂM TRA

(k? và ghi r? họ tên)

TRẦN QUỐC BẢO

L?NH ĐẠO KHOA

(k? và ghi r? họ tên)

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

PH?NG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

(k? và ghi r? họ tên)

ThS. Nguyễn Hữu Phú

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 07 năm 2012